TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NH** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 12-7-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NH, TỈNH Đ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tr;

2. Ông Nguyễn Trần Q;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị TV, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NH.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NH tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn S - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bạch A (Thu S), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm 5, phường AT, thành phố NH, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm 5, phường AT, thành phố NH, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Khóm ST, phường AL, thành phố NH, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/03/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch A trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông Nguyễn Quốc B được sự chấp thuận của hai bên cha mẹ cho hai người đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TTH B, huyện NH, tỉnh Đ.

- Quá trình chung sống lúc đầu bình thường. Song, giai đoạn bà sinh con nhỏ khoảng 3 tuổi, chồng bà đi làm tại Công ty của em trai bà thuộc địa bàn thị xã K, tỉnh NĐ và có quan hệ bất chính với một người phụ nữa khác đã có gia đình ngụ gần nơi làm việc, khi phát hiện sự việc bà có yêu cầu chồng bà chấm dứt mối quan hệ đó được một khoảng thời gian. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà phát hiện chồng bà tiếp tục có mối quan hệ bất chính với người đàn bà khác đã có chồng, con hiện ngụ cùng địa phương, đến giai đoạn cuối tháng 07 năm 2023 qua quá trình bà cùng con trai theo dõi, bà đã tìm hiểu và biết được mối quan hệ bất chính này đã kéo dài từ năm 2017 đến nay đồng thời chồng bà và người đàn bà đó đã có con với nhau.

- Trong khoảng thời gian trên, chồng bà bỏ bê công việc gia đình, thường xuyên viện lý do ra ngoài khi bà đi làm để hẹn hò, ăn ở như vợ chồng với người đàn bà đó, khi về nhà bà yêu cầu chồng bà nên chấm dứt mối quan hệ với người đàn bà đó thì chồng bà lớn tiếng chửi bới có những hành vi bạo lực, đe doạ như đập phá đồ đạc, hăm doạ vợ con, ...

- Bà đã nhiều lần gửi đơn tường trình đến Ban nhân dân khóm 5, phường AT và Ủy ban nhân dân phường AT nhờ can thiệp xử lý những hành vi trên. Đồng thời bà đã nổ lực hàn gắn mối quan hệ hôn nhân vì con, bà yêu cầu chồng bà chấm dứt hoàn toàn mối quan hệ bất chính với người đàn bà đã có chồng trên nhưng chồng bà không đồng ý và ra sống riêng tại ngôi nhà thuộc Phường AL, thành phố NH từ khoảng đầu Tháng 09 năm 2023 đến nay.

- Đến nay, xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, bà nhận thấy việc làm sai trái của chồng bà đã lập lại nhiều lần, làm ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống của mẹ con bà, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về tình cảm: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc B

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/12/2006, hiện cháu đang sống trong gia đình, sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chưa yêu cầu Tòà án giải quyết.

- ***Bị đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày***: Vào năm 2002, ông và bà Nguyễn Thị Bạch A được sự chấp thuận của hai bên cha mẹ cho đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TTH B, huyện NH, tỉnh Đ trước đây. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được và đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Bạch A yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về tình cảm: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch A nhưng với điều kiện bà A phải thoả thuận xong phần tài sản, nếu bà A không đồng ý thoả thuận phần tài sản thì ông không đồng ý ly hôn, Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/12/2006, hiện cháu đang sống trong gia đình, sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông khẳng định phần tài sản trong vụ kiện này ông không yêu cầu giải quyết, nếu phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao cho bà Nguyễn Thị Bạch A tiếp tục nuôi, ông B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, do nguyên đơn, bị đơn khẳng định không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc B, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch A và ông Nguyễn Quốc B cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TTH B, huyện NH, tỉnh Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con nhưng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị Bạch A cho rằng giữa bà và ông Nguyễn Quốc B không còn tình cảm và không thể nào sống với nhau được nữa, yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc B. Trong khi đó, ông Nguyễn Quốc B cho rằng ông đồng

ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch A nhưng với điều kiện hai bên phải thoả thuận xong tài sản, nếu bà A không đồng ý thoả thuận phần tài sản thì ông không đồng ý ly hôn, toà án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà A và ông B đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, trước đây bà A đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông B do lâu quá bà A không nhớ năm nào, sau đó bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn, tại phiên toà ông B cũng thừa nhận có sự việc trên. Đến thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục phát sinh trầm trọng nên bà A tiếp tục nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông B. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bạch A cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ là Tờ cam kết của ông Nguyễn Quốc B ngày 05/10/2023 có nội dung cam kết từ bỏ lối sống buôn thả, không chung thuỷ với vợ, sống bê tha, bỏ những mối quan hệ lăng nhăn,…Ngoài ra, trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, ngày 17/6/2024, ông Nguyễn Quốc B có quan hệ không rõ ràng với bà Đào Thị Bích P tại nhà bà P, bà A đến bắt gặp và có báo chính quyền địa phương Khóm AH, phường AB lập biên bản, bà A có cung cấp biên bản cho Toà án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông B có lỗi trong mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà A đã mâu thuẫn trầm trọng, xét việc ông B nại lý do bà A chưa thoả thuận chia tài sản cho ông nên ông không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận, trong khi bản thân ông lại khẳng định không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ kiện này. Từ phân tích trên, xét thấy tình cảm giữa ông B và bà A không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch A là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/12/2006, hiện cháu đang sống trong gia đình, bà A và ông B đều trình bày, sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc T *nếu trường hợp cha mẹ không ở với nhau nữa mà phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ Nguyễn Thị Bạch A*. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định bình thường cho cháu Tiến, giao cháu cho bà Nguyễn Thị Bạch A tiếp tục nuôi là phù hợp, ông Nguyễn Quốc B không cấp dưỡng nuôi con do bà A tự nguyện không yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Bạch A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà A và ông B đều khẳng định tài sản chung tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Toà án đã giải thích các quy định của pháp luật về quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, nhưng bà A cương quyết không yêu cầu, ông B cũng khẳng định không yêu cầu chia trong vụ kiện này, nếu có phát sinh thì yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử tiếp tục giải thích cho ông B các quy định của pháp luật về quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để giải quyết dứt điểm vụ án nhưng ông B vẫn cương quyết không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ kiện này, có phát sinh tranh chấp ông sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà A và ông B đều khẳng định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chưa xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch A. Bà Nguyễn Thị Bạch A được ly hôn với ông Nguyễn Quốc B.

2/ Về con chung: Nguyễn Thị Bạch A được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/12/2006 (nguyện vọng cháu T cũng muốn sống với mẹ), ông Nguyễn Quốc B không cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Bạch A tự nguyện không yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Bạch A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch A và ông Nguyễn Quốc B cam kết tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch A và ông Nguyễn Quốc B cam kết không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bạch A nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0005059 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NH, bà Nguyễn Thị Bạch A không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. NH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh T